TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19/01/2021.
"V/v: Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ánh Sửu

2.Ông Hoàng Tuyển

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10/11/2020 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn A, xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đàm Văn C - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 4A, xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị Hoàng Thị N tự nguyện chung sống với anh Đàm Văn C từ năm 1994, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nhau. Thời gian qua, chị N và anh C đã không chung sống với nhau khoảng 4 năm nay. Đến nay cảm thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị Hoàng Thị N yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn C.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Hoàng Thị N và anh

Đàm Văn C có 02 con chung là Đàm Văn L - sinh năm 1994 và Đàm Văn L1, sinh năm 1996.

Hiện các con chung đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đàm Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn C và chị Hoàng Thị N tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn như chị N trình bày.

Thời gian về chung sống với nhau có phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nhưng không đến mức phải ly hôn. Theo anh C, nguyên nhân chính dẫn đến việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là do chị N đi làm ăn xa nhiều năm, hiện chị N có tình cảm với người khác ở bên ngoài nên không còn quan tâm đến gia đình. Đến nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh C không đồng ý vì con cái đã lớn, đã xây dựng gia đình. Tuy nhiên, nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh C vẫn đồng ý.

- Về con chung: Anh C và chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, các con đã trưởng thành nên anh C không yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về việc ly hôn với anh Đàm Văn C. Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không đề cập về việc nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn C là "Kiện ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Đàm Văn C chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 191, ngày 20/7/2004 trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của chị N, thời gian chung sống giữa chị N và anh C có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Hoàng Thị N và anh Đàm Văn C có 02 con chung là Đàm Văn Linh - sinh năm 1994 và Đàm Văn Lưu, sinh năm 1996.

Các con chung đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C trình bày nguyên nhân chính dẫn đến việc chị N yêu cầu ly hôn với anh C là do chị N có tình cảm với người khác bên ngoài. Nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh C đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị N.

Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu vê việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh C sinh sống thì trong quá trình sống chung, địa phương không xác định được mâu thuẫn giữa chị N và anh C. Tuy nhiên hiện chị N đã đi làm ăn xa 4 năm nay, không thường xuyên về nhà.

Xét thấy, chị N và anh C không còn chung sống đã nhiều năm. Theo ý kiến của chị N, chị N không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh C. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Đàm Văn C của chị Hoàng Thị N.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Đàm Văn C.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2019/0012212 ngày 05/11/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã W, E, Đăk Lăk;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy